

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KIẾN THỨC THU NHẬN CỦA SINH VIÊN NGÀNH KINH TẾ

ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

Khoa Kinh tế Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

Tóm tắt

Mục tiêu của nghiên cứu là khám phá mối quan hệ nhân quả giữa năng lực giảng viên, động cơ học tập và kiến thức thu nhận của sinh viên ngành kinh tế trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu sơ cấp gồm có 329 quan sát có được bằng việc khảo sát trực tiếp sinh viên ngành kinh tế. Phương pháp phân tích định lượng được sử dụng là phân tích nhân tố khám phá (EFA), từ đó phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và kiểm định các giả thuyết của mô hình nghiên cứu bằng mô hình phương trình cấu trúc (SEM). Kết quả cho thấy năng lực giảng viên (gồm có 2 thành phần là giảng dạy và tương tác lớp học) và động cơ học tập có tác động cùng chiều đến kiến thức thu nhận của sinh viên. Hơn nữa, năng lực giảng viên cũng ảnh hưởng gián tiếp đến kiến thức thu nhận của sinh viên thông qua động cơ học tập. Ngoài ra, ấn tượng trường học và cơ sở vật chất trường học cũng góp phần vào ảnh hưởng của năng lực giảng viên đến kiến thức thu nhận của sinh viên.

Từ khóa: năng lực giảng viên, động cơ học tập, kiến thức thu nhận, yếu tố, SEM.

Abstract

The purpose of the study is to explore the casual relationship between teachers' capacity, students' learning motivation and students' obtained economics knowledge at Ba Ria – Vung Tau University. The study used primary data from a survey of 329 economics students in Ba Ria – Vung Tau University. Quantitative analysis methods used in the study include Exploratory Factor Analysis (EFA), then Confirmatory Factor Analysis (CFA), and Structural Equation Models (SEM) to test the hypothesis in the research model. The results indicated that teacher capacity and students' learning motivation positively affected the students' obtained knowledge. Moreover, the teachers' competence also indirectly affected to students' obtained knowledge through the student's learning motivation. In addition, the students' perception on sthe school reputation and facilities partially added in the teachers' influence on the students' knowledge acquisition.

Key words: Teachers' competence, learning motivation, knowledge acquisition, factors, SEM

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Chất lượng đào tạo đại học đã và đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu của ngành giáo dục. Kiến thức thu nhận được và khả năng sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tiễn là thành quả của hoạt động giảng dạy, do đó tìm hiểu điều gì tác động đến kiến thức thu nhận của sinh viên là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở trường đại học. Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu cũng

không thể không nằm trong xu thế phải đào tạo ra những con người có kỹ năng làm việc và sinh viên ra trường không cần để xã hội đào tạo lại. Do đó, việc tìm hiểu điều gì làm cho sinh viên thu nhận được kiến thức, có thể áp dụng những kiến thức đó vào thực tiễn là rất quan trọng, giúp sinh viên có được việc làm tốt sau khi ra trường, tạo nên danh tiếng cho nhà trường.

Mục tiêu của nghiên cứu là khám phá tác động của một số yếu tố vào động cơ học tập

và kiến thức thu nhận của sinh viên ngành kinh tế, để từ đó đưa ra những gợi ý giúp cho nhà trường có những biện pháp tác động cải thiện thành tích giảng dạy của mình.

2. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CÁC GIẢ THUYẾT

Có rất nhiều nghiên cứu về vấn đề chất lượng giảng dạy trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu của Biggs ([1]) đã đề xuất mô hình 3P, thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố liên quan đến giảng viên, sinh viên và nhà trường, gồm có tiên liệu đầu vào, là đặc điểm của sinh viên và môi trường giảng dạy, quá trình học tập là hoạt động học tập và sản phẩm của quá trình là kết quả học tập. Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang ([4]) nghiên cứu về mối quan hệ giữa năng lực giảng viên đến kiến thức sinh viên nhận được trong quá trình học tập thông qua động cơ học tập của sinh viên đã khẳng định, năng lực giảng viên ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên và cũng trực tiếp tác động đến kiến thức thu nhận của sinh viên.

Kiến thức thu nhận của sinh viên chính là thành quả của hoạt động giảng dạy trong trường đại học.

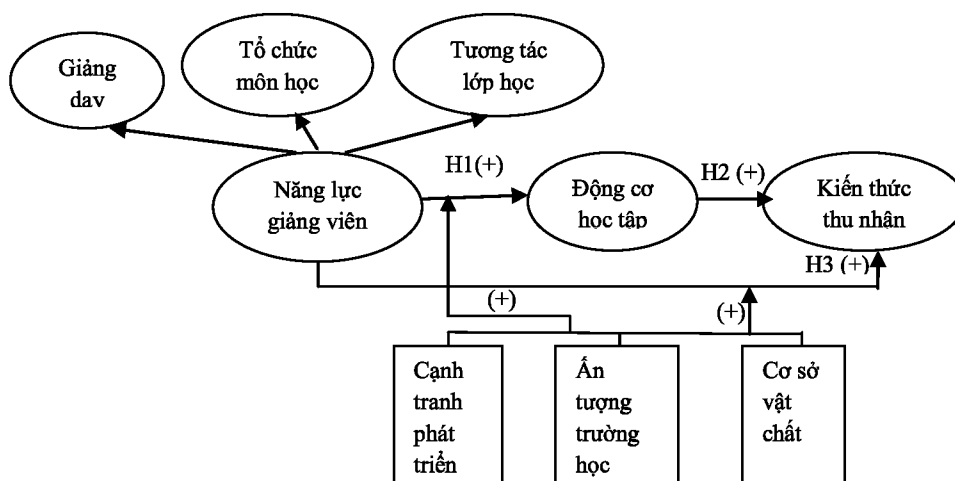
Mức độ hài lòng của khách hàng là sinh viên có thể được biểu hiện thông qua cảm nhận của họ về kiến thức mà mình nhận được khi ngồi trên ghế giảng đường, được đo lường bằng 4 biến quan sát.

Mô hình nghiên cứu đề xuất được trình bày ở Hình 1 dựa trên mô hình nghiên cứu của Biggs ([1]) và Thọ & Trang ([4]) được điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm nghiên cứu. Trong mô hình này, kiến thức thu nhận là kết quả của động cơ học tập và cảm nhận của sinh viên về năng lực giảng viên. Năng lực giảng viên cũng được kỳ vọng tác động trực tiếp vào kiến thức thu nhận của sinh viên. Ngoài ra, các biến như Ấn tượng trường học, Cạnh tranh phát triển, Cơ sở vật chất đóng vai trò là biến kiểm soát có thể làm thay đổi tác động của năng lực giảng viên đến kiến thức thu nhận của sinh viên. Từ đó các giả thuyết được đề xuất như sau:

H1: Năng lực giảng viên ảnh hưởng cùng chiều đến động cơ học tập của sinh viên.

H2: Năng lực giảng viên ảnh hưởng cùng chiều đến kiến thức thu nhận của sinh viên.

H3: Động cơ học tập ảnh hưởng tích cực đến kiến thức thu nhận của sinh viên.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định lượng, cụ thể là phân tích nhân tố khám phá nhằm tìm ra những yếu tố chính ảnh hưởng đến động cơ học tập và kiến thức thu nhận của sinh viên, từ đó phân tích nhân tố khẳng định và sử dụng mô hình phương trình cấu trúc (SEM) để đánh giá tác động trực tiếp và gián tiếp của các yếu tố đến kiến thức thu nhận của sinh viên. Công cụ được sử dụng để phân tích là phần mềm SPSS16 và AMOS20.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Thống kê mô tả mẫu quan sát

Trong 329 quan sát, có 56 sinh viên thuộc hệ trung cấp, chiếm tỉ lệ 17%, 55 sinh viên thuộc hệ cao đẳng, 125 hệ đại học, liên thông là 66 người, 27 sinh viên bằng 2, chiếm tỉ lệ lần lượt là 16.7%, 38%, 20.1% và 8.2%. Trong số đó, có 215 sinh viên nữ, chiếm tỉ lệ 65.35%, 114 sinh viên nam, chiếm tỉ lệ 34.65%.

Các biến trong mô hình hầu hết là biến tiềm ẩn được đo lường bằng nhiều biến quan sát. Thang đo sử dụng là thang đo Likert 5 điểm, với các mức độ đồng ý từ 1: rất không đồng ý đến 5: rất đồng ý về các phát biểu được đưa ra. Dữ liệu dùng cho phân tích là dữ liệu sơ cấp có được bằng việc khảo sát 400 sinh viên kinh tế của trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu, sau khi nhập và làm sạch dữ liệu, còn lại 329 quan sát dùng cho phân tích.

4.2 Kết quả phân tích độ tin cậy

Kết quả phân tích được thể hiện ở Bảng 1. Các thang đo đều có độ tin cậy đạt yêu cầu là lớn hơn 0.7 (theo Trọng & Ngọc [5]), trong đó thấp nhất là thang đo Tổ chức môn học có $\alpha = 0.719$, và cao nhất là thang đo Ảnh hưởng trường học với $\alpha = 0.875$.

Bảng 1. Kết quả phân tích độ tin cậy

	Biến quan sát	Ý nghĩa của biến	Hệ số tương quan biến-tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Giảng dạy (GD) $\alpha = .782$	GD1	Giảng viên (GV) có kiến thức sâu về môn học này.	.595	.731
	GD2	GV giảng giải dễ hiểu	.639	.686
	GD3	GV chuẩn bị bài giảng kỹ lưỡng.	.632	.695
Tổ chức môn học (TC) $\alpha = 0.719$	TC1	Mục tiêu và nội dung môn học được GV giới thiệu rõ ràng.	.515	.654
	TC2	Nội dung môn học được sắp xếp hệ thống.	.549	.634
	TC3	Tôi nắm rõ được mục đích và yêu cầu của môn học này.	.557	.630
	TC4	GV nói rõ những kỳ vọng về SV.	.432	.715

Trương tác lớp học (TT) $\alpha = 0.770$	TT1	GV khuyến khích SV thảo luận trong lớp.	.566	.717
	TT2	Tôi thường xuyên thảo luận với GV khi học môn này.	.486	.759
	TT3	GV luôn tạo cơ hội cho SV đặt câu hỏi trên lớp.	.631	.683
	TT4	GV luôn khuyến khích SV đưa ra các ý tưởng, quan điểm mới.	.605	.696
Động cơ học tập (DC) $\alpha = 0.839$	DC1	Tôi dành rất nhiều thời gian cho môn học này.	.635	.813
	DC2	Đầu tư vào môn học này là ưu tiên số một của tôi.	.650	.808
	DC3	Tôi học hết mình khi học môn học này.	.726	.772
	DC4	Nhìn chung, động cơ học tập của tôi đối với môn học này rất cao.	.684	.792
Kiến thức thu nhận (KTTN) $\alpha = 0.854$	KTTN1	Tôi đã gạt hái được nhiều kiến thức từ môn học này.	.659	.830
	KTTN2	Tôi đã phát triển được nhiều kỹ năng từ môn học này.	.713	.809
	KTTN3	Tôi có thể ứng dụng được những gì đã học từ môn học này.	.709	.810
	KTTN4	Nhìn chung, tôi đã học được rất nhiều từ môn học này.	.709	.809
Ấn tượng trường học (AT) $\alpha = 0.872$	AT1	Các nhà tuyển dụng có ấn tượng rất tốt về ngôi trường này	.683	.887
	AT2	Tôi đã nghe nhiều tiếng tốt về trường này.	.780	.798
	AT3	Tôi tin rằng trường này rất có danh tiếng.	.807	.771
Cạnh tranh phát triển (CT) $\alpha = 0.859$	CT1	Cạnh tranh trong học tập vì đó là cơ hội khám phá khả năng bản thân.	.646	.837
	CT2	Cạnh tranh trong học tập là phương tiện giúp tôi phát triển khả năng của mình.	.738	.813
	CT3	Cạnh tranh trong học tập giúp tôi học hỏi từ chính mình và từ bạn học.	.728	.817

4.3 Phân tích nhân tố khám phá EFA

	CT4	Cạnh tranh trong học tập làm cho tôi và bạn học gần gũi hơn.	.706	.822
	CT5	Tôi thích thú cạnh tranh khi học môn học này.	.569	.858
Cơ sở vật chất (CSVC) $\alpha = 0.842$	CSVC1	Các trang thiết bị trong lớp học tiện ích cho việc học.	.623	.816
	CSVC2	Quy mô lớp vừa phải đủ để SV tập trung chú ý trong giờ học.	.496	.835
	CSVC3	Địa điểm học của nhà trường khang trang.	.685	.807
	CSVC4	Địa điểm học của nhà trường thuận tiện.	.601	.820
	CSVC5	Thư viện đáp ứng tốt nhu cầu đọc/mượn sách của sinh viên.	.531	.830
	CSVC6	Phòng máy tính đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của SV.	.645	.812
	CSVC7	Không gian dành cho tự học tiện lợi.	.594	.820

Phương pháp trích nhân tố được sử dụng là Principal Axis Factoring, kỹ thuật xoay Promax, trọng số tải nhân tố lớn hơn 0.4. Thang đo Năng lực giảng viên là thang đo đa hướng gồm có 11 biến quan sát được kỳ vọng tạo thành 3 nhân tố. Tuy nhiên, phân tích nhân tố khám phá chỉ rút ra được 2 nhân tố, đặt tên là Giảng dạy (GD) gồm có 5 biến quan sát và Tương tác lớp học (TT) có 5 biến quan sát, với tổng phương sai trích là 57.551%. Có 3 biến quan sát (TC3, TC4, TT2) bị loại do trọng số tải nhân tố thấp hơn 0.4 (xem [5]).

Các thang đo còn lại là thang đo đơn hướng được phân tích đồng thời đã rút trích ra 6 nhân tố, hầu hết là đúng như kỳ vọng, chỉ trừ thang đo Cơ sở vật chất được tách thành 2 nhân tố, đặt tên là Phương tiện dạy học (PT) gồm có 4 biến quan sát và Cơ sở vật chất trường học (CSVC) có 3 biến quan sát. Tổng phương sai trích của 6 nhân tố này là 68.911%.

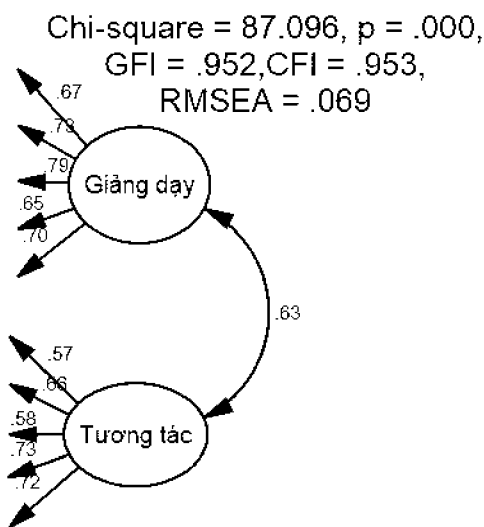
4.4 Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Các tiêu chí đánh giá các khái niệm là tính đơn nguyên, giá trị hội tụ, giá trị phân

biệt (xem [1,4]). Hai mô hình sử dụng để đánh giá bằng CFA là mô hình Năng lực giảng viên và mô hình gồm các khái niệm đơn hướng là Ảnh hưởng trường học, Cạnh tranh phát triển, Động cơ học tập, Kiến thức thu nhận, Cơ sở vật chất trường học, Phương tiện dạy học.

Kết quả phân tích CFA được thể hiện ở Bảng 2, Hình 1 và Hình 2 cho thấy các khái niệm đều đạt giá trị hội tụ vì trọng số của các biến quan sát cho khái niệm đó đều đạt yêu cầu là lớn hơn 0.5, đạt giá trị phân biệt vì hệ số tương quan giữa các khái niệm nhỏ hơn 0.9. Các khái niệm không có tương quan giữa các sai số đo lường nên đạt được tính đơn nguyên. Mô hình Năng lực giảng viên có Chi-square = 87.096, df = 34, p = 0.000, CFI = 0.953, RMSEA = 0.069 nên đạt độ tương thích với dữ liệu thị trường. Mô hình các khái niệm đơn hướng còn lại cũng phù hợp với dữ liệu thị trường vì có Chi-square = 567.0, df = 215, p = 0.000, CFI = 0.907, RMSEA = 0.071.

Hình 1. Kết quả CFA cho các thành phần của

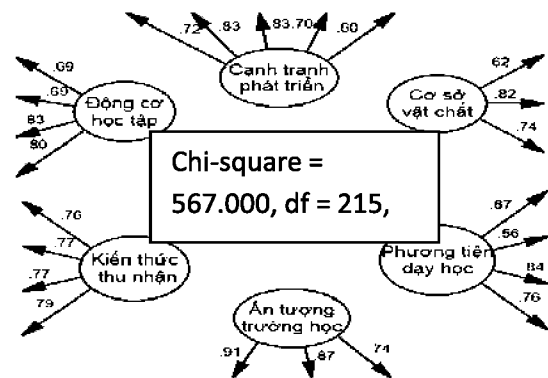


khái niệm Năng lực giảng viên.

Để đánh giá tính bền vững của mô hình lý thuyết, phương pháp phân tích Bootstrap được sử dụng. Đây là phương pháp lấy mẫu lặp lại có thay thế từ mẫu ban đầu (n=329), trong đó mẫu ban đầu đóng vai trò đám đông ([4]). Số lần lấy mẫu lặp lại trong nghiên cứu được chọn là B = 700 lần, kết quả ước lượng với B lần từ n mẫu được tính trung bình và giá trị này có xu hướng gần với ước lượng của tổng thể. Kết quả độ chệch của ước lượng (bias) và sai lệch chuẩn của nó có giá trị nhỏ và ổn định cho phép kết luận rằng các ước lượng Maximum Likelihood áp dụng trong mô hình là tin cậy và được dùng cho các kiểm định giả thuyết tiếp theo.

Bảng 2. Hệ số tương quan giữa các khái niệm

	N L	DC	KT	CT	AT	CSV C	PT
NL	1	.429	.656	.515	.342	.274	.349
DC		1	.645	.321	.356	.340	.224
KT			1	.472	.515	.365	.335
CT				1	.241	.343	.295
AT					1	.512	.496
CSV C						1	.710
PT							1



Hình 2. Kết quả CFA cho các khái niệm đơn hướng.

4.5 Kiểm định các giả thuyết bằng SEM

Bảng 3 thể hiện hệ số hồi quy (chưa chuẩn hóa) quan hệ nhân quả giữa các biến Năng lực giảng viên, Động cơ học tập và Kiến thức thu nhận của sinh viên.

Các giả thuyết H1, H2 về sự tác động dương của năng lực giảng viên đến động cơ học tập và kiến thức thu nhận được chấp nhận. Giả thuyết H3 cũng được chấp nhận, cho thấy động cơ học tập cũng có ảnh hưởng tích cực

đến kiến thức thu nhận của sinh viên. Điều này hàm ý rằng năng lực giảng viên không chỉ tác động trực tiếp đến kiến thức sinh viên nhận được, mà còn tác động gián tiếp thông qua động cơ học tập của sinh viên.

Bảng 3. Hệ số hồi quy (chưa chuẩn hóa)

Giá thuyết	Quan hệ	β	se	P
H1	NL → DC	0.485	0.075	0.000
H2	NL → KTTN	0.739	0.081	0.000
H3	DC → KTTN	1.62	0.264	0.000

Chi-square =284.003, df = 93, CFI = 0.917, RMSEA =0.079

4.6 Phân tích đa nhóm

Phân tích đa nhóm được sử dụng để kiểm định các giả thuyết về các biến kiểm soát ảnh hưởng đến động cơ học tập và kiến thức thu nhận của sinh viên thông qua năng lực giảng viên. Các biến Cảnh tranh học tập, Ấn tượng trường học, Phương tiện giảng dạy và Cơ sở vật chất đều được chia thành 2 nhóm cao và thấp phân biệt bởi giá trị trung vị. Kết quả kiểm định sự chênh lệch của Chi-square giữa các mô hình khả biến và mô hình bất biến ([3,4]) được thể hiện ở Bảng 4 cho thấy, có sự khác biệt trong mức độ ảnh hưởng của năng lực giảng viên đến động cơ học tập giữa nhóm sinh viên có ấn tượng trường học tốt và nhóm có ấn tượng trường học không tốt (kiểm định có $p = 0.0052 < 0.001$). Mức độ ảnh hưởng của năng lực giảng viên đến kiến thức thu nhận của sinh viên cũng có sự khác biệt dương giữa nhóm sinh viên đánh giá cơ sở vật chất trường học tốt và nhóm đánh giá cơ sở vật chất tồi. Các biến kiểm soát còn lại bị bác bỏ.

Bảng 4. Kết quả kiểm định mô hình khả biến và bất biến

Mối quan hệ	Chi-square của các mô hình	Bậc tự do	Biến kiểm soát			
			Ấn tượng trường học	Cảnh tranh phát triển	Phương tiện dạy học	Cơ sở vật chất
Năng lực giảng viên → Động cơ học tập	Khả biến	188	422.291	453.521	419.651	418.405
	Bất biến	190	432.798	455.599	421.974	419.052
	Chênh lệch		10.507	2.078	2.323	0.647
	p		0.0052	0.3538	0.313	0.723
Năng lực giảng viên → Kiến thức thu nhận	Khả biến	106	307.689	316.7	303.642	361.223
	Bất biến	107	308	317.6	303.973	316.392
	Chênh lệch		0.311	0.9	0.331	-44.831
	p		0.5770	0.3427	0.565	0.0000

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Nghiên cứu đã chỉ ra sự ảnh hưởng rất lớn của năng lực giảng viên lên kiến thức thu nhận của sinh viên kể cả trực tiếp (hệ số hồi quy $\beta = 0.739$), và gián tiếp thông qua việc ảnh hưởng lên động cơ học tập ($\beta = 0.485$). Động cơ học tập cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kiến thức thu nhận được của sinh viên ($\beta = 1.62$). Ngoài ra, những sinh viên có ấn tượng về trường học tốt hơn thì tác động của năng lực giảng viên đến động cơ học tập cao hơn những sinh viên có ấn tượng trường học không tốt. Nhóm sinh viên nhận thấy cơ sở vật chất trường học được trang bị tốt hơn thì tác động của năng lực giảng viên đến kiến thức thu nhận của sinh viên cao hơn nhóm sinh viên cho rằng cơ sở vật chất trường học tồi. Như vậy, kết quả nghiên cứu đã cho thấy năng lực giảng viên đóng vai trò rất quan trọng tạo nên thành quả giáo dục. Giảng viên góp phần tạo hứng thú học tập, kích thích động cơ học tập cho sinh viên.

Kết quả nghiên cứu góp phần giúp cán bộ đào tạo nhận biết tầm quan trọng của năng lực giảng viên trong hệ thống đào tạo đại học, để từ đó có thể thiết kế những chứng trình giảng dạy phù hợp, cơ chế tuyển dụng giảng viên để có được đội ngũ giảng viên có năng lực, góp phần kích thích động cơ học tập cũng như nâng cao chất lượng học tập của sinh viên. Kế đó, nhà trường cũng nên trang bị cơ sở vật chất, tiện nghi học tập để tạo hứng thú học tập cho sinh viên. Các quy trình phục vụ sinh viên, cách thức quản lý sinh viên cũng cần được cải tiến, nhằm tạo ấn tượng tốt về trường, trở thành trường có danh tiếng sẽ góp phần làm tăng sức ảnh hưởng của giảng viên đến kết quả học tập của sinh viên.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Biggs J.B (1999), *Teaching for Quality Learning at University*, Buckingham, Open

University Press.

[2] Biggs J.B., Kember, D., & Leung, D.Y.P. (2001), « The Revised Two Factor Study Process Questionnaire: R-SPQ-2F », *British Journal of Educational Psychology*, 71, 133-149.

[3] Bollen K.A. (1989), *Structural Equations ...*